

ĐƠN ĐĂNG KÝ MỞ, SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VÀ DỊCH VỤ DÀNH CHO TỔ CHỨC

APPLICATION FOR OPENING, USING ACCOUNTS AND SERVICES FOR ENTITY

Vui lòng điền TẤT CẢ các ô trống trong mẫu đơn này và đánh dấu (✓) vào ô thích hợp, gạch chéo (/) phần không điền nội dung/không yêu cầu trên Đơn này/ Please fill in all blanks and tick (✓) an option in below and draw a line (/) through any unused space/not requested in this Application.

Chúng tôi, đề nghị Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (“Ngân Hàng”) thiết lập quan hệ/mở tài khoản/cung cấp dịch vụ như sau:/ We, request that Shinhan Bank Vietnam Limited ("the Bank") establish a relationship/open accounts/provide services as follows: ☐ Đăng ký mới/ New register ☐ Thay đổi thông tin/ Amendment/Change information

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC/ INFORMATION OF ENTITY

Tên tiếng Việt/ By Vietnamese

Tên tiếng Anh/ By English

Tên viết tắt/ Short name

Trường hợp Tổ chức mở tài khoản cho Đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân: Vui lòng điền thông tin Tổ chức (Đơn vị chủ quản) tại Mục I, thông tin của Đơn vị phụ thuộc tại Mục II/ In case the Entity opens account for a Dependent unit without legal status: Please fill information of the Entity (Parent Organization) in this Section I, and fill the Dependent unit information in Section II.

Số đăng ký kinh doanh/Số giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập
Business registration no./Document no. proving that the organization was established

Số định danh của Tổ chức (nếu có) Mã số thuế Mã ngành nghề hoạt động (Chính)
Entity identification no. (if any) Tax code Industry Code (Primary)

Loại hình công ty ☐ Công ty TNHH ☐ Công ty cổ phần ☐ Khác (Ghi rõ)
Type of company Limited Liability Co. Joint stock Co. Other (Specify)

Hoạt động kinh doanh ☐ Sản xuất ☐ Dịch vụ & Thương mại ☐ Nông nghiệp, lâm nghiệp & thủy sản
Business Activities Manufacturing Services & Commerce Agriculture, forestry & aquaculture
☐ Tài chính ☐ Công nghiệp & Xây dựng ☐ Khác (Ghi rõ)
Finance Industry & Construction Other (Specify)

Số lượng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân trong năm ☐ ≤ 10 người ☐ > 10 người
An average annual number of employee who participate in social insurance ≤ 10 people > 10 people

Tổng nguồn vốn của năm (VND)/ Total capital of the year (VND) ☐ ≤ 03 Tỷ/ ≤ 03 Billion ☐ > 03 Tỷ/ > 03 Billion

Tổng doanh thu của năm (VND) ☐ ≤ 03 Tỷ ☐ ≤ 10 Tỷ ☐ > 10 Tỷ
Total revenue of the year (VND) ≤ 03 Billion ≤ 10 Billion > 10 Billion

Chế độ kế toán ☐ Chế độ kế toán đơn giản ☐ Chế độ kế toán khác
Accounting regime The simple accounting regime Other accounting regime

Tình trạng cư trú ☐ Cư trú ☐ Không cư trú Quốc gia thành lập
Resident status Resident Non-resident Country of Incorporation

Ngày thành lập Các Quốc gia hoạt động kinh doanh chính
Date of Incorporation Primary Place of Business

Trang web Địa chỉ trụ sở chính
Website Head office address

Địa chỉ giao dịch ☐ Giống địa chỉ trụ sở chính/ Same as Head office address
Business address ☐ Khác, vui lòng ghi rõ/ Others, please specify

Địa chỉ email Số Fax
Email address Fax no

Số điện thoại Đơn vị nộp thuế Mỹ ☐ Có ☐ Không
Phone number US Tax Payer Yes No

Lý do và mục đích mở tài khoản hoặc thiết lập mối quan hệ kinh doanh
Purpose and reason for opening account/establishing the business relationship

II. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC/ INFORMATION OF DEPENDENT UNIT

Chỉ khai báo thông tin Mục II dưới đây trong trường hợp mở tài khoản cho đơn vị phụ thuộc/ Only declare information in Section II below in case of opening an account for a dependent unit

Tên đơn vị phụ thuộc Dependent unit name					B-0101-003 0002 01/01
Tên tiếng Anh By English					
Tên viết tắt Short name					
Mã số thuế đơn vị Tax code		Số điện thoại Phone number			
Tên người đại diện đơn vị Unit representative name					
Địa chỉ đơn vị Unit address			Đơn vị nộp thuế Mỹ US Tax Payer	☐ Có Yes	☐ Không No

III. ĐĂNG KÝ THÔNG TIN/DỊCH VỤ THEO CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM/ REGISTERING THE INFORMATION/SERVICES AS THE ATTACHED APPENDIXES

- ☐ Phụ lục 01 – Đăng ký mở, sử dụng tài khoản và dịch vụ
Appendix 01 – Registration for opening, using accounts and services
- ☐ Phụ lục 02 – Đăng ký người được ủy quyền sử dụng tài khoản
Appendix 02 – Registration for person authorized to use account
- ☐ Phụ lục 03 – Đăng ký người được ủy quyền của Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán
Appendix 03 – Registration for person authorized by Chief Accountant/Person in charge of accounting
- ☐ Phụ lục 04 – Đăng ký người được ủy quyền nộp nhận chứng từ/tiền mặt
Appendix 04 – Registration for person authorized to receive cash/receive-submit document(s)
- ☐ Phụ lục 05 – Đăng ký bổ sung người dùng Ngân hàng trực tuyến
Appendix 05 – Registration for additional Internet Banking/Mobile Banking users
- ☐ Phụ lục 06 – Khai báo chủ sở hữu hưởng lợi và các bên liên quan
Appendix 06 – Beneficial owner and related parties declaration
- ☐ Phụ lục 07: Thông tin tăng cường nhận biết và xác minh khách hàng
Appendix 07: Enhance Due Diligence Information

IV. HIỆU LỰC VÀ CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG/ EFFECTIVE DATE AND UNDERTAKINGS OF THE ENTITY

Đơn đăng ký mở, sử dụng tài khoản và dịch vụ dành cho tổ chức này và các phụ lục đính kèm (gọi chung là “Đơn đăng ký”) có hiệu lực kể từ ngày được Ngân Hàng chấp thuận cho đến khi được thay thế hoặc hủy bỏ bằng một văn bản khác từ Tổ chức gửi đến và được Ngân Hàng xác nhận. Trong trường hợp Đơn đăng ký này dùng để chỉnh sửa một phần nội dung của đơn đăng ký trước đó, thì các nội dung không thay đổi ở đơn đăng ký trước đó vẫn còn giữ nguyên hiệu lực./ This application for opening, using accounts and services for entity and its attached appendices (hereinafter referred to as the “Application”) shall come into validity from the approval date by the Bank until it is replaced or terminated by another document(s) of the Legal Entity sent to the Bank and confirmed by the Bank. In case this application is used to edit part of the content of the previous Application, the unchanged content of the previous Application will remain valid.

1. Chúng tôi xác nhận (i) những thông tin nêu trên là đúng sự thật, chính xác và cập nhật nhất, (ii) sẽ thông báo ngay lập tức cho Ngân Hàng nếu có bất kỳ sự thay đổi thông tin trên, (iii) đã được Ngân Hàng cung cấp đầy đủ thông tin về trình tự, thủ tục và điều kiện để mở tài khoản, (iv) các ủy quyền của Chúng tôi đăng ký với Ngân Hàng không có sự mâu thuẫn với bất kỳ tài liệu nội bộ nào của Chúng tôi hoặc bất kỳ quy định pháp luật nào, đồng thời Ngân Hàng có quyền từ chối việc ghi nhận bất kỳ ủy quyền nào mà Ngân Hàng nhận thấy có sự trái với bất kỳ tài liệu nội bộ của khách hàng hoặc quy định của pháp luật mà Ngân Hàng được biết, (v) bất kỳ thông tin liên lạc nào được Tổ chức cung cấp trên Đơn này (bao gồm nhưng không giới hạn: Số điện thoại; Địa chỉ Email; Địa chỉ trụ sở, Địa chỉ giao dịch, Số Fax) sẽ trở thành một hoặc toàn bộ thông tin liên hệ chính thức của Chúng tôi. Ngân Hàng sẽ liên hệ Chúng tôi theo cách thức mà Ngân Hàng cho là phù hợp để thông báo về các thông tin cần thiết trong quá trình sử dụng (các) tài khoản và (các) dịch vụ./ We hereby confirm that (i) the information given about are true, correct and up-to-date, (ii) We shall immediately inform the Bank if we have any changes on our declared information, (iii) We confirm that it has been provided with full information by the Bank on the sequences, procedures, and conditions for opening account(s), (iv) We confirm that our authorizations registered with the Bank do not conflict with any of our internal documents or any legal regulations; and the Bank has the right to refuse to record any authorization that the Bank finds to be contrary to any internal documents of the customer or the provisions of law known to the Bank, (v) any contact information provided by the Entity on this Application (including but not limited to: Telephone Number; Email Address; Head Office Address, Business Address, Fax Number) will become one or all of the Entity's official contact information. The Bank will contact the Entity in the manner that the Bank deems appropriate and will use it to notify the Entity of necessary information during the use of the account(s) and service(s).

2. Chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và cam kết tuân thủ các điều kiện giao dịch chung được công bố tại website www.shinhan.com.vn hoặc các chi nhánh/phòng giao dịch của Ngân Hàng: (i) Điều kiện và điều khoản chung, (ii) Các Điều Khoản và Điều Kiện đối với sản phẩm SOHO MMDA, (iii) Điều khoản và điều kiện dịch vụ Internet Banking/Mobile Banking, (iv) Chính sách bảo mật, (v) Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân, (vi) Những thông tin cơ bản về việc mở và sử dụng tài khoản, (vii) Biểu Phí Dịch Vụ Tài Chính Doanh Nghiệp. Đơn đăng ký này cùng với các điều kiện giao dịch chung tại Mục IV.2 tại đây sẽ tạo thành một Thỏa thuận đăng ký thông tin, mở tài khoản và dịch vụ Ngân Hàng hoàn chỉnh có hiệu lực áp dụng giữa chúng tôi và Ngân Hàng./ We have read, fully understood and committed to comply with the general transaction conditions published on the website www.shinhan.com.vn or at the Bank's branches/transaction offices, including: (i) General Terms and Conditions, (ii) Terms and Conditions for “SOHO MMDA” product, (iii) Terms and Conditions of Internet Banking/Mobile Banking, (iv) Privacy Policy, (v) General Terms and Conditions on



Personal Data Protection, (vi) Essential Information on opening and using accounts, (vii) Corporate Bank Tariff. This Application, together with the general transaction conditions in Section IV.2 herein, shall constitute a complete Agreement on information registration, account opening, and banking services, which is binding and effective between us and the Bank.

3. Chúng tôi bảo đảm rằng: (i) Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu mà Chúng tôi cung cấp, chuyển giao cho Ngân Hàng là hợp pháp, chính xác, đầy đủ và đã được cập nhật vào thời điểm cung cấp, chuyển giao; và (ii) Chúng tôi đã có sự đồng ý hợp pháp của Chủ thể dữ liệu cá nhân có liên quan về việc xử lý, chuyển giao dữ liệu cá nhân của họ cho Ngân Hàng để Ngân Hàng xử lý dữ liệu cá nhân của họ theo Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân của Ngân Hàng và (iii) Chúng tôi đã thông báo cho Chủ thể dữ liệu cá nhân về việc Ngân Hàng là bên tiếp nhận và xử lý các dữ liệu cá nhân của họ cho các mục đích triển khai các công việc cần thiết và/hoặc có liên quan đến mối quan hệ giữa Chúng tôi và Ngân Hàng (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các yêu cầu, đề nghị hoặc thỏa thuận liên quan), và (iv) cam kết lưu trữ sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân và cung cấp ngay cho Ngân Hàng nhằm mục đích chứng minh sự đồng ý của chủ thể dữ liệu khi Ngân Hàng có yêu cầu./ We hereby represent and warrant that: (i) The Data Subjects' personal data provided or transferred to the Bank is lawful, accurate, complete, and up-to-date at the time of such provision or transfer; (ii) We have obtained the lawful consent of the relevant Data Subjects for the processing and transfer of their personal data to the Bank, enabling the Bank to process such data in accordance with the Bank's General Terms and Conditions on personal data protection; (iii) We have notified the Data Subjects that the Bank is the recipient and processor of their personal data for the purposes of implementing necessary tasks and/or matters relating to the relationship between us and the Bank (including but not limited to relevant requests, proposals, or agreements); and (iv) We commit to storing the Data Subjects' consent and shall promptly provide such evidence to the Bank to demonstrate their consent upon the Bank's request.

4. Trường hợp Chúng tôi đăng ký Người đại diện theo pháp luật/Tổng Giám đốc (Giám đốc)/Người thành lập là cá nhân đăng ký trên Đơn đăng ký này kiêm nhiệm Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán, Chúng tôi cam kết thuộc trường hợp (i) Công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu, hoặc (ii) Doanh nghiệp siêu nhỏ không có vốn nhà nước, hoặc (iii) Doanh nghiệp tư nhân theo quy định của pháp luật. In case We register the Legal Representative/Chief Executive Officer (General Director)/Founder(s) is an individual(s) registered on this Application is also the Chief Accountant/Person in charge of accounting, We commit that We are (i) a limited liability company owned by an individual, (ii) a micro enterprise without state capital, or (iii) a private enterprise as regulated by law.

V. PHẦN KHÁCH HÀNG KÝ KẾT/ CUSTOMER SIGNATURE

Ngày ký/ Date of signing

Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán¹ Chief accountant/Person in charge of accounting (Ký, ghi rõ họ tên) (Signature and Full name)	Người đại diện hợp pháp² Lawful Representative (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) (Signature and Full name and stamp)

⁽¹⁾ Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán (KTT/NPTKT) chỉ phải ký tại phần này trong các trường hợp KTT/NPTKT có đăng ký bổ sung/thay đổi (i) người được ủy quyền ký thay trên các chứng từ giao dịch tài khoản, và (ii) người dùng nhập liệu sử dụng dịch vụ Ngân hàng trực tuyến./ The Chief Accountant/Person in charge of accounting must only sign in this section in cases where The Chief accountant/Person in charge of accounting has registered amendment/change (i) an authorized person to sign on behalf of the account transaction documents, and (ii) user registration for the person authorized by the Chief accountant/Person in charge of accounting to use Internet Banking/Mobile Banking services.

⁽²⁾ Đối với Tổ chức có sử dụng mẫu dấu, vui lòng đóng dấu giáp lai lên Đơn đăng ký./ For Organization using specimen stamp, please apply an overlap stamp on the Application.

Đối với Tổ chức không sử dụng mẫu dấu, vui lòng ký nháy vào từng trang của Đơn đăng ký./ For Organization not using specimen stamp, please initial each page of the Application

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG/ FOR BANK USE ONLY

Phân khúc khách hàng/ Customer segment ☐ Doanh nghiệp siêu nhỏ/ Micro-enterprises ☐ Khác/ Others

Số hiệu tài khoản/ Account number

A	B	C	A	B	C
A	B	C	A	B	C

Hướng dẫn/ Guide: A: Loại tài khoản/ Acc. Type B: Loại tiền tệ/ Currency C: Số hiệu tài khoản/ Account No.

Nhận và Kiểm tra bởi Received & Verified by	Thực hiện bởi Processed by	Kiểm tra bởi Checked by	Duyệt bởi Approved by
Ông/Bà/ Mr/Ms: Ngày/ Date:	Ông/Bà/ Mr/Ms: Ngày/ Date:	Ông/Bà/ Mr/Ms: Ngày/ Date:	Ông/Bà/ Mr/Ms: Ngày/ Date:

Định nghĩa Nhóm/ Group Definition:

Nhóm/Group A: Người đại diện hợp pháp (là Người đại diện theo pháp luật hoặc Người đại diện theo ủy quyền)/ Lawful Representative (is Legal Representative or Authorized Representative)

Nhóm/Group B: Kế toán trưởng(KTT)/Người phụ trách kế toán(NPTKT)/ Chief Accountant/Person in charge of Accounting

Nhóm/Group C: Người được ủy quyền sử dụng tài khoản/ Authorized person to use account

Nhóm/Group D: Người được ủy quyền của KTT/NPTKT/ Authorized person of Chief Account/Person in charge of accounting

Nhóm/Group E: Người được ủy quyền nhận tiền mặt/nộp-nhận chứng từ/ Authorized person to receive cash/receive-submit document(s)

Nhóm/Group F: Bổ sung Người dùng Ngân hàng trực tuyến/ Additional Users to use Internet Banking/Mobile Banking



I. ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI KHOẢN
REGISTRATION INFORMATION FOR OPEN ACCOUNT AND ACCOUNT RELATED SERVICES

I.1. MỞ TÀI KHOẢN/ ACCOUNT OPENING

Tên tài khoản/ Account name (*)

☐ Tên Tổ chức
Entity name

☐ Tên đơn vị phụ thuộc
Dependent unit name

Nếu Tên tài khoản trùng với Tên tổ chức tại Mục I hoặc Tên đơn vị phụ thuộc tại Mục II tại Đơn đăng ký mở, sử dụng tài khoản và dịch vụ dành cho Tổ chức, có thể tích chọn ô tương ứng và để trống Tên tài khoản./ Please tick the box and leave Account name empty if Account name is identical to Section I or Section II on Application for opening, using accounts and services for entity.

(*)Tên tài khoản **PHẢI BAO GỒM** tên của tổ chức trên Giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập, hoạt động hợp pháp / The account name **SHALL INCLUDE** the name of the organization stated on the establishment license, establishment decision, enterprise registration certificate, or documents proving lawful establishment and operation.

Loại tài khoản
Type of account

☐ Tài khoản thanh toán
Demand deposit account (DDA)

☐ Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp
Direct investment capital account (DICA)

☐ Tài khoản khác (ghi rõ)
Other (specify)

☐ VND ☐ USD ☐ Khác/ Other

☐ VND ☐ USD ☐ Khác/ Other

☐ VND ☐ USD ☐ Khác/ Other

Mật khẩu tài khoản
Account password

☐ Có/ Yes ☐ Không/ No

☐ Có/ Yes ☐ Không/ No

☐ Có/ Yes ☐ Không/ No

Tần suất nhận hóa đơn
Frequency of receiving invoices:

☐ Nhận hóa đơn theo từng giao dịch
Receive invoices per transaction

I.2. DỊCH VỤ TIN NHẮN/ SMS SERVICE

Phí dịch vụ được thu sẽ căn cứ trên số lượng thuê bao đăng ký Số tài khoản thu phí

The service fee to be collected shall base on each registered phone no. Account for fee collection

Tài khoản nhận tin nhắn
Registered account

Số điện thoại tương ứng
SMS cell phone no

Ngôn ngữ
Language

Từ chối nhận tin nhắn
SMS rejected time

☐ Tiếng Việt/ Vietnamese

☐ Tiếng Anh/ English

Từ/ From

Đến/ To

Tôi đồng ý nhận các thông tin tài chính khác và các thông tin quảng cáo của Ngân hàng (Miễn phí) Đồng ý/ Yes

Agree to receive other financial information and advertising information of the Bank (Free of charge) Từ chối/ No

I.3. DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TRỰC TUYẾN/ INTERNET BANKING SERVICE

Đăng ký gói dịch vụ/ Register Service package ☐ Tra cứu/ Inquiry ☐ Tra cứu và Giao dịch/ Inquiry & Transaction

Đăng ký loại hình truy cập/ Register type of User ID

☐ Truy cập đơn cấp/ Single-level User: Chỉ đăng ký một người sử dụng/ Register 1 user only (**)

(**) Áp dụng trong trường hợp (i) đăng ký gói dịch vụ Tra cứu; hoặc, (ii) Tổ chức là Hộ kinh doanh hoặc Doanh nghiệp siêu nhỏ áp dụng chế độ kế toán đơn giản/ Applying for (i) Inquiry only; or, (ii) Organization is Business households/ Micro enterprises applying simple accounting regime.

☐ Truy cập đa cấp/ Multi-level User: Đăng ký tối đa 20 người sử dụng, trong đó ít nhất 01 người quản trị (có chức năng phê duyệt) và 01 người nhập liệu/ Maximum 20 users with at least 1 Admin use (with approve authorize) and 1 Entry user

Hạn mức chuyển khoản
Transfer limit

Hạn mức mỗi giao dịch (VND)
Transaction limit (VND)

Hạn mức ngày (VND)
Daily limit (VND)

Tài khoản trích tiền/ Register Debit Account

Các tài khoản đồng chủ sở hữu (cùng ký) không được đăng ký là tài khoản trích tiền
Joint accounts (Jointly sign) are not allowed to register as debit account

II. THÔNG TIN VỀ MẪU DẤU/ SPECIMEN STAMP

- ☒ Tổ chức mở tài khoản cho chính mình, vui lòng đóng mẫu dấu của tổ chức vào ô bên cạnh (nếu có)/ Legal entity opens account for yourselves, stamp the entity's specimen stamp beside (if any).
- ☒ Tổ chức mở tài khoản cho đơn vị phụ thuộc, sử dụng mẫu dấu sau cho các giao dịch/dịch vụ liên quan đến tài khoản mang tên đơn vị phụ thuộc./ Legal entity opens account for your dependent unit, use the below stamp for the transactions/services related to the account named dependent unit
- ☐ Dấu của đơn vị phụ thuộc
Stamp of dependent unit
- ☐ Dấu của tổ chức mở tài khoản
Stamp of legal entity opening account

III. ĐĂNG KÝ THÔNG TIN VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP,
KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
REGISTRATION INFORMATION AND SIGNATURE FOR LAWFUL REPRESENTATIVE,
CHIEF ACCOUNTANT/PERSON IN CHARGE OF CHIEF ACCOUNTANT



B-0101-003
0002 01/01

III.1. NHÓM A: NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP/ GROUP A: LAWFUL REPRESENTATIVE

☐ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE

☐ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN
AUTHORIZED REPRESENTATIVE

Lưu ý: Trường hợp Người đại diện hợp pháp là Người đại diện theo ủy quyền, vui lòng khai báo thêm thông tin của Người đại diện theo pháp luật tại Mục I.1- Phụ lục 06. / In case Lawful Representative is the Authorized Representative, please declare information of Legal Representative in Section I.1- Appendix 06.

Họ tên Ngày sinh Tình trạng cư trú ☐ Cư trú ☐ Không cư trú
Full name Date of birth Resident status ☐ Resident ☐ Non-resident

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu/Giấy tờ khác/ Personal identification no./Passport/Others*

(*) Đối với công dân Việt Nam: Chỉ chấp nhận số định danh cá nhân/ Vietnamese citizen: Accept for Personal Identification No. only.
Đối với cá nhân là người nước ngoài: (i) Người cư trú: Sử dụng Hộ chiếu; (ii) Người không cư trú: Sử dụng Hộ chiếu hoặc Giấy tờ khác chứng minh được nhân thân do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ For foreign individuals: (i) Resident individuals: Only Passports; (ii) Non-resident individuals: Passports or other identification documents issued by competent foreign authorities

Ngày cấp Ngày hết hạn Nơi cấp
Issued date Expired date Issued place

Số thị thực/Thẻ cư trú (nếu có) Cơ quan cấp thị thực
Visa/Resident card no. (if any) Agency issuing visa for immigration

Ngày hết hạn Thị thực/Thẻ cư trú Số điện thoại Địa chỉ email
Expired Date of Visa/Resident Card Phone no. Email address

Quốc tịch Thông tin và địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch thứ 02 trở đi
Nationality Additional nationalities information and residence address

Mã số thuế cá nhân Nghề nghiệp Chức vụ Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%)
Individual tax code Occupation Position Effective ownership percentage

Địa chỉ cư trú
Resident address

Địa chỉ thường trú (nếu là người Việt Nam) hoặc địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu là người nước ngoài)
Permanent address (if Vietnamese) or overseas registered residential address (if foreigner)

Thông tin đăng ký dịch vụ ngân hàng trực tuyến/ Register information for Internet Banking service

Tên người dùng/ User name Cấp độ truy cập ☐ Nhập liệu ☐ Phê duyệt ☐ Quản trị
User level ☐ Entry ☐ Confirm ☐ Admin

Lưu ý: Tên người dùng 6-20 ký tự chữ và số
Note: User ID: 6-20 alphanumeric digits in length.

Thiết bị bảo mật ☐ Online A-OTP ☐ OTP Token ☐ A-OTP Token
Security device ☐ Mã số/ Seri No. Mã số/ Seri No.

Tôi xác nhận đã nhận thiết bị bảo mật trong tình trạng nguyên niêm phong/
I confirm receive security device with seal

Họ tên và Chữ ký/
Full name & Signature

Chữ ký mẫu thứ nhất/ The first specimen signature

Chữ ký mẫu thứ hai/ The second specimen signature

III.2. NHÓM B: KẾ TOÁN TRƯỞNG/ NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
GROUP B: CHIEF ACCOUNTANT/PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING



B-0101-003
0002 01/01

- ☐ Kế toán trưởng/ Chief accountant ☐ Người phụ trách kế toán/ Person in charge of accounting
☐ Thuê dịch vụ làm Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán/ Use service as Chief accountant/Person in charge of accounting

Trường hợp không đăng ký Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán, vui lòng tích chọn một trong hai ô sau đây:

In case of not registering Chief accountant/Person in charge of accounting, please tick one of the following two boxes:

- ☐ Chúng tôi là _____ không thuộc đối tượng bắt buộc phải bố trí Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán.
We are _____ in Optional Type for registration of Chief Accountant/Person in charge of accounting.
- ☐ Chúng tôi là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài, không thuộc đối tượng đăng ký Kế toán trưởng/Người phụ trách Kế toán./
We are an offshore Legal entity, in non-applicable subjects for registration of Chief Accountant/Person in charge of accounting.

Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán/ Chief accountant/Person in charge of accounting

- ☐ Đồng thời là người được ủy quyền nhận tiền mặt/nộp-nhận chứng từ/ At the same time, is the authorized person to receive cash/receive-submit document.

Họ tên _____ Ngày sinh _____ Tình trạng cư trú ☐ Cư trú ☐ Không cư trú
Full name _____ Date of birth _____ Resident status Resident Non-resident

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu/Giấy tờ khác/ Personal identification no./Passport/Others* _____

(*) Đối với công dân Việt Nam: Chỉ chấp nhận số định danh cá nhân/ Vietnamese citizen: Accept for Personal Identification No. only.
Đối với cá nhân là người nước ngoài: (i) Người cư trú: Sử dụng Hộ chiếu; (ii) Người không cư trú: Sử dụng Hộ chiếu hoặc Giấy tờ khác chứng minh được nhân thân do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ For foreign individuals: (i) Resident individuals: Only Passports; (ii) Non-resident individuals: Passports or other identification documents issued by competent foreign authorities

Ngày cấp _____ Ngày hết hạn _____ Nơi cấp _____
Issued date _____ Expired date _____ Issued place _____

Số thị thực/Thẻ cư trú (nếu có) _____ Cơ quan cấp thị thực _____
Visa/Resident card no. (if any) _____ Agency issuing visa for immigration _____

Ngày hết hạn Thị thực/Thẻ cư trú _____ Số điện thoại _____ Địa chỉ email _____
Expired Date of Visa/Resident Card _____ Phone no. _____ Email address _____

Quốc tịch _____ Thông tin và địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch thứ 02 trở đi
Nationality _____ Additional nationalities information and residence address _____

Mã số thuế cá nhân _____ Nghề nghiệp _____ Chức vụ _____ Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%) _____
Individual tax code _____ Occupation _____ Position _____ Effective ownership percentage _____

Địa chỉ cư trú _____
Resident address _____

Địa chỉ thường trú (nếu là người Việt Nam) hoặc địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu là người nước ngoài)
Permanent address (if Vietnamese) or overseas registered residential address (if foreigner)

Thông tin đăng ký dịch vụ ngân hàng trực tuyến/ Register information for Internet Banking service

Tên người dùng/ User name _____ Cấp độ truy cập ☐ Nhập liệu ☐ Phê duyệt ☐ Quản trị
User level Entry Confirm Admin

Lưu ý: Tên người dùng 6-20 ký tự chữ và số/ Note: User ID: 6-20 alphanumeric digits in length.

Thiết bị bảo mật ☐ Online A-OTP ☐ OTP Token _____ ☐ A-OTP Token _____
Security device _____ Mã số/ Seri No. _____ Mã số/ Seri No. _____

Tôi xác nhận đã nhận thiết bị bảo mật trong tình trạng nguyên niêm phong/
I confirm receive security device with seal

Họ tên và Chữ ký/
Full name & Signature

Chữ ký mẫu thứ nhất/ The first specimen signature _____
Chữ ký mẫu thứ hai/ The second specimen signature _____

CÁC CHỈ DẪN ĐẶC BIỆT/ SPECIAL INSTRUCTIONS

- ☐ Có (Vui lòng ghi rõ tại bên dưới)/ Yes (Please specify) ☐ Không (Vui lòng gạch bỏ ô bên dưới)/ No (Please cross out the box below)



NHÓM C: NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ GROUP C: AUTHORIZED PERSON

Lưu ý: Trường hợp Người đại diện hợp pháp (tại Nhóm A) là Người đại diện theo ủy quyền, thì văn bản ủy quyền của tổ chức phải có nội dung cho phép Người đại diện ủy quyền được phép ủy quyền lại/Note: In case the Lawful Representative (in Group A) is an Authorized Representative, the power of attorney of Legal Entity may not re-authorize must include the provision in re-authorization.

Phạm vi ủy quyền/Authorization scope:
a) Người được ủy quyền tại nhóm C được phép THỰC HIỆN TẤT CẢ giao dịch (gồm cả đăng ký/thay đổi thông tin cá nhân thuộc nhóm E, nhưng không bao gồm cả nhân nhóm E đồng thời là người dùng Ngân hàng trực tuyến), SỬ DỤNG TẤT CẢ dịch vụ Ngân hàng trên TẤT CẢ tài khoản và tiền gửi (bao gồm cả những tài khoản và tiền gửi được mở trước và sau khi Đơn này có hiệu lực) và sử dụng dấu của chúng tôi (nếu có), NGOẠI TRỪ:/ Authorized person in group C is allowed to OPERATE ALL transaction(s) (including registration/updates for Group E individuals, excluding those who are also Internet Banking/Mobile Banking users), USE ALL banking service(s) on ALL account(s) and deposit(s) (including account(s) and deposit(s) opened before and after this Application becomes effective) and use legal entity's stamp (if any), EXCEPT:
- Mở, đóng, phong tỏa, giải tỏa, tạm dừng giao dịch ghi có, hủy tạm dừng giao dịch ghi có đối với tài khoản thanh toán/ Open, close, freezing, unfreezing, temporary credit transaction suspension, cancel temporary credit transaction suspension to the Demand Deposit Account.
- Đăng ký LẦN ĐẦU bất kỳ sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng nào/ Register on the FIRST TIME for any Banking Product(s), Service(s).
- Đăng ký/thay đổi thông tin các cá nhân thuộc nhóm A, B, C, D, F và bất kỳ thông tin khác liên quan đến Tổ chức/ Register/change information of individuals in groups A, B, C, D, F and any other information related to the legal entity.
b) Trong phạm vi ủy quyền này, người được ủy quyền tại Nhóm C chỉ được phép ủy quyền lại cho người khác thực hiện việc nhận tiền mặt và nộp-nhận chứng từ giao dịch tại Ngân hàng./ Within this authorization, Authorized person in Group C is only allowed to authorize other person to receive cash, receive-submit document(s).
c) Trường hợp có nhiều hơn một Người được ủy quyền thì mỗi Người được ủy quyền đều có phạm vi đại diện ngang nhau (trừ trường hợp có chỉ thị khác được đăng ký với Ngân hàng), và Tổ chức chịu trách nhiệm đối với các mâu thuẫn của các chỉ thị, quyết định của những Người được ủy quyền/ In case there are more than one Authorized Person, each Authorized Person has the same scope of representation (unless otherwise directed), and the Legal Entity is responsible for conflicts the instructions or decisions issued by the Authorized Persons.

Người được ủy quyền thứ / The authorized person

Họ tên
Full name

Ngày sinh
Date of birth

Tình trạng cư trú
Resident status

☐ Cư trú
Resident

☐ Không cư trú
Non-resident

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu/Giấy tờ khác/ Personal identification no./Passport/Others*

(*) Đối với công dân Việt Nam: Chỉ chấp nhận số định danh cá nhân/ Vietnamese citizen: Accept for Personal Identification No. only.
Đối với cá nhân là người nước ngoài: (i) Người cư trú: Sử dụng Hộ chiếu; (ii) Người không cư trú: Sử dụng Hộ chiếu hoặc Giấy tờ khác chứng minh được nhân thân do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ For foreign individuals: (i) Resident individuals: Only Passports; (ii) Non-resident individuals: Passports or other identification documents issued by competent foreign authorities

Ngày cấp
Issued date

Ngày hết hạn
Expired date

Nơi cấp
Issued place

Số thị thực/Thẻ cư trú (nếu có)
Visa/Resident card no. (if any)

Cơ quan cấp thị thực
Agency issuing visa for immigration

Ngày hết hạn Thị thực/Thẻ cư trú
Expired Date of Visa/Resident Card

Số điện thoại
Phone no.

Địa chỉ email
Email address

Quốc tịch
Nationality

Thông tin và địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch thứ 02 trở đi
Additional nationalities information and residence address

Mã số thuế cá nhân
Individual tax code

Nghề nghiệp
Occupation

Chức vụ
Position

Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%)
Effective ownership percentage

Địa chỉ cư trú
Resident address

Địa chỉ thường trú (nếu là người Việt Nam) hoặc địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu là người nước ngoài)
Permanent address (if Vietnamese) or overseas registered residential address (if foreigner)

Thông tin đăng ký dịch vụ ngân hàng trực tuyến/ Register information for Internet Banking service

Tên người dùng/ User name

Cấp độ truy cập
User level

☐ Nhập liệu
Entry

☐ Phê duyệt
Confirm

☐ Quản trị
Admin

Lưu ý: Tên người dùng 6-20 ký tự chữ và số/ Note: User ID: 6-20 alphanumeric digits in length.

Thiết bị bảo mật
Security device

☐ Online A-OTP

☐ OTP Token

Mã số/ Seri No.

☐ A-OTP Token

Mã số/ Seri No.

Tôi xác nhận đã nhận thiết bị bảo mật trong tình trạng nguyên niêm phong/
I confirm receive security device with seal

Họ tên và Chữ ký/
Full name & Signature

Chữ ký mẫu thứ nhất/ The first specimen signature

Chữ ký mẫu thứ hai/ The second specimen signature



PHỤ LỤC 03: ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CỦA KẾ TOÁN
TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
APPENDIX 03: REGISTRATION FOR PERSON AUTHORIZED BY CHIEF
ACCOUNTANT/PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING



B-0101-003
0002 01/01

NHÓM D: NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN/ GROUP D:
AUTHORIZED PERSON OF CHIEF ACCOUNTANT/PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING

Người được ủy quyền thứ / The authorized person

☐ Đồng thời là người được ủy quyền nhận tiền mặt/nộp-nhận chứng từ / At the same time, is the authorized person to receive cash/receive-submit document.

Họ tên Ngày sinh Tình trạng cư trú ☐ Cư trú ☐ Không cư trú
Full name Date of birth Resident status ☐ Resident ☐ Non-resident

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu/Giấy tờ khác/ Personal identification no./Passport/Others*

(*) Đối với công dân Việt Nam: Chỉ chấp nhận số định danh cá nhân/ Vietnamese citizen: Accept for Personal Identification No. only.
Đối với cá nhân là người nước ngoài: (i) Người cư trú: Sử dụng Hộ chiếu; (ii) Người không cư trú: Sử dụng Hộ chiếu hoặc Giấy tờ khác chứng minh được nhân thân do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ For foreign individuals: (i) Resident individuals: Only Passports; (ii) Non-resident individuals: Passports or other identification documents issued by competent foreign authorities

Ngày cấp Ngày hết hạn Nơi cấp
Issued date Expired date Issued place

Số thị thực/Thẻ cư trú (nếu có) Cơ quan cấp thị thực
Visa/Resident card no. (if any) Agency issuing visa for immigration

Ngày hết hạn Thị thực/Thẻ cư trú Số điện thoại Địa chỉ email
Expired Date of Visa/Resident Card Phone no. Email address

Quốc tịch Thông tin và địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch thứ 02 trở đi
Nationality Additional nationalities information and residence address

Mã số thuế cá nhân Nghề nghiệp Chức vụ Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%)
Individual tax code Occupation Position Effective ownership percentage

Địa chỉ cư trú
Resident address

Địa chỉ thường trú (nếu là người Việt Nam) hoặc địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu là người nước ngoài)
Permanent address (if Vietnamese) or overseas registered residential address (if foreigner)

Thông tin đăng ký dịch vụ ngân hàng trực tuyến/ Register information for Internet Banking service

Tên người dùng/ User name Cấp độ truy cập ☐ Nhập liệu ☐ Phê duyệt ☐ Quản trị ☐
User level ☐ Entry ☐ Confirm ☐ Admin

Lưu ý: Tên người dùng 6-20 ký tự chữ và số
Note: User ID: 6-20 alphanumeric digits in length.

Thiết bị bảo mật ☐ Online A-OTP ☐ OTP Token ☐ A-OTP Token ☐
Security device ☐ Mã số/ Seri No. Mã số/ Seri No.

Tôi xác nhận đã nhận thiết bị bảo mật trong tình trạng nguyên niêm phong/
I confirm receive security device with seal

Họ tên và Chữ ký/
Full name & Signature

Chữ ký mẫu thứ nhất/ The first specimen signature

Chữ ký mẫu thứ hai/ The second specimen signature

PHỤ LỤC 04: ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN NHẬN TIỀN MẶT/NỘP-NHẬN CHỨNG TỪ



B-0101-003
0002 01/01

APPENDIX 04: REGISTRATION FOR PERSON AUTHORIZED TO RECEIVE CASH/RECEIVE-SUBMIT DOCUMENT(S)

NHÓM E: THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN NHẬN TIỀN MẶT/NỘP-NHẬN CHỨNG TỪ
GROUP E: INFORMATION REGISTRATION OF AUTHORIZED PERSON TO RECEIVE CASH/RECEIVE-SUBMIT DOCUMENT(S)

Người được ủy quyền thứ / The authorized person

Họ tên Ngày sinh Tình trạng cư trú ☐ Cư trú ☐ Không cư trú
Full name Date of birth Resident status ☐ Resident ☐ Non-resident

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu/Giấy tờ khác/ Personal identification no./Passport/Others*

(*) Đối với công dân Việt Nam: Chỉ chấp nhận số định danh cá nhân/ Vietnamese citizen: Accept for Personal Identification No. only.
Đối với cá nhân là người nước ngoài: (i) Người cư trú: Sử dụng Hộ chiếu; (ii) Người không cư trú: Sử dụng Hộ chiếu hoặc Giấy tờ khác chứng minh được nhân thân do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ For foreign individuals: (i) Resident individuals: Only Passports; (ii) Non-resident individuals: Passports or other identification documents issued by competent foreign authorities

Ngày cấp Ngày hết hạn Nơi cấp
Issued date Expired date Issued place

Số thị thực/Thẻ cư trú (nếu có) Cơ quan cấp thị thực
Visa/Resident card no. (if any) Agency issuing visa for immigration

Ngày hết hạn Thị thực/Thẻ cư trú Số điện thoại Địa chỉ email
Expired Date of Visa/Resident Card Phone no. Email address

Quốc tịch Thông tin và địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch thứ 02 trở đi
Nationality Additional nationalities information and residence address

Mã số thuế cá nhân Nghề nghiệp Chức vụ Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%)
Individual tax code Occupation Position Effective ownership percentage

Địa chỉ cư trú
Resident address

Địa chỉ thường trú (nếu là người Việt Nam) hoặc địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu là người nước ngoài)
Permanent address (if Vietnamese) or overseas registered residential address (if foreigner)

Thông tin đăng ký dịch vụ ngân hàng trực tuyến/ Register information for Internet Banking service

Tên người dùng/ User name Cấp độ truy cập ☐ Nhập liệu ☐ Phê duyệt ☐ Quản trị ☐
User level ☐ Entry ☐ Confirm ☐ Admin

Lưu ý: Tên người dùng 6-20 ký tự chữ và số
Note: User ID: 6-20 alphanumeric digits in length.

Thiết bị bảo mật ☐ Online A-OTP ☐ OTP Token ☐ A-OTP Token ☐
Security device ☐ Mã số/ Seri No. Mã số/ Seri No.

Tôi xác nhận đã nhận thiết bị bảo mật trong tình trạng nguyên niêm phong/
I confirm receive security device with seal

Họ tên và Chữ ký/
Full name & Signature

NHÓM F: BỔ SUNG NGƯỜI DÙNG NGÂN HÀNG TRỰC TUYẾN
GROUP F: ADDITIONAL USERS TO USE INTERNET BANKING/MOBILE BANKING

Trường hợp người dùng Ngân hàng trực tuyến không thuộc các chức danh đã kê khai ở trên, vui lòng cung cấp thông tin chi tiết tại đây/ In case Internet Banking user is not among the titles listed above, please provide the details below

Bổ sung người dùng thứ/ The.....additional user

Họ tên
Full name

Ngày sinh
Date of birth

Tình trạng cư trú
Resident status

☐ Cư trú
Resident

☐ Không cư trú
Non-resident

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu/Giấy tờ khác/ Personal identification no./Passport/Others*

(*) Đối với công dân Việt Nam: Chỉ chấp nhận số định danh cá nhân/ Vietnamese citizen: Accept for Personal Identification No. only.
Đối với cá nhân là người nước ngoài: (i) Người cư trú: Sử dụng Hộ chiếu; (ii) Người không cư trú: Sử dụng Hộ chiếu hoặc Giấy tờ khác chứng minh được nhân thân do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ For foreign individuals: (i) Resident individuals: Only Passports; (ii) Non-resident individuals: Passports or other identification documents issued by competent foreign authorities

Ngày cấp
Issued date

Ngày hết hạn
Expired date

Nơi cấp
Issued place

Số thị thực/Thẻ cư trú (nếu có)
Visa/Resident card no. (if any)

Cơ quan cấp thị thực
Agency issuing visa for immigration

Ngày hết hạn Thị thực/Thẻ cư trú
Expired Date of Visa/Resident Card

Số điện thoại
Phone no.

Địa chỉ email
Email address

Quốc tịch
Nationality

Thông tin và địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch thứ 02 trở đi
Additional nationalities information and residence address

Mã số thuế cá nhân
Individual tax code

Nghề nghiệp
Occupation

Chức vụ
Position

Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%)
Effective ownership percentage

Địa chỉ cư trú
Resident address

Địa chỉ thường trú (nếu là người Việt Nam) hoặc địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu là người nước ngoài)
Permanent address (if Vietnamese) or overseas registered residential address (if foreigner)

Thông tin đăng ký dịch vụ ngân hàng trực tuyến/ Register information for Internet Banking service

Tên người dùng/ User name

Cấp độ truy cập
User level

☐ Nhập liệu
Entry

☐ Phê duyệt
Confirm

☐ Quản trị
Admin

Lưu ý: Tên người dùng 6-20 ký tự chữ và số
Note: User ID: 6-20 alphanumeric digits in length.

Thiết bị bảo mật
Security device

☐ Online A-OTP

☐ OTP Token
Mã số/ Seri No.

☐ A-OTP Token
Mã số/ Seri No.

Tôi xác nhận đã nhận thiết bị bảo mật trong tình trạng nguyên niêm phong/
I confirm receive security device with seal

Họ tên và Chữ ký/
Full name & Signature



I.1. Xác định chủ sở hữu hưởng lợi/Identify the beneficial owner

Vui lòng đánh dấu (✓) chọn vào các câu hỏi sau nhằm xác định Chủ sở hữu hưởng lợi của Tổ chức/ Please kindly tick (✓) on the following questions below to determine the Beneficial Owner of the Legal Entity:

- ☐ 1. Chúng tôi có các cá nhân đã được khai ở trên tại (các) Nhóm sau đây là người sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp(*) hoặc vừa trực tiếp và gián tiếp từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong Tổ chức./ We have individual(s) declared above in the following Group(s) is a person who holds directly or indirectly or both directly & indirectly 25% or more of the charter capital or 25% or more of the total voting shares of Legal Entity customer.
- ☐ Nhóm A/Group A ☐ Nhóm B/Group B ☐ Nhóm C/Group C
- ☐ Nhóm D/Group D ☐ Nhóm E/Group E ☐ Nhóm F/Group F
- ☐ 2. Ngoài các cá nhân được xác định tại câu hỏi số 1, tôi/chúng tôi còn có/Except for the person defined in question 1, we also have:
- ☐ 2.1. Các cá nhân khác, trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc vừa trực tiếp và gián tiếp sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong Tổ chức/Other individuals holds directly or indirectly or both directly & indirectly 25% or more of the charter capital or 25% or more of the total voting shares of Legal Entity customer.
- ☐ 2.2. Các cá nhân có liên quan đến nhau thông qua hợp đồng thỏa thuận, mối quan hệ nhân thân(**), có tổng sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc vừa trực tiếp và gián tiếp từ 25% vốn điều lệ trở lên hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong Tổ chức/ Group of individuals connected through contractual or personal relationship(**) who holds directly or indirectly or both directly & indirectly 25% or more of the charter capital or 25% or more of the total voting shares of Legal Entity customer .
- ☐ 3. Ngoài các cá nhân tại câu hỏi số 1 và 2 nêu trên, chúng tôi có Cá nhân kiểm soát Tổ chức thông qua một hoặc nhiều quyền như: Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên hoặc chủ tịch hội đồng quản trị, đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng Giám đốc, các cơ quan quản trị, điều hành khác của tổ chức; sửa đổi, bổ sung điều lệ của tổ chức; thay đổi cơ cấu tổ chức; quyết định chính sách tài chính, đầu tư và hoạt động của Tổ chức; tổ chức lại, giải thể Tổ chức/ We have individual who controls the organization through one or more rights, such as: appointing, dismissing, or removing the majority or all members or the chairperson of the Board of Directors, the majority or all members or the chairperson of the Board of Members, the Director, the General Director, or other management or executive bodies of the organization; amending or supplementing the organization's charter; altering the organizational structure; deciding on the organization's financial, investment, and operational policies; or reorganizing or dissolving the organization.
- ☐ 4. Trường hợp không xác định được cá nhân tại câu hỏi số 1,2, và 3 nêu trên, Chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân giữ vị trí quản lý cấp cao có quyền hạn lớn nhất để hành động thay mặt Tổ chức./ In case there's neither person defined in question number 1,2, and 3 above, Beneficial Owner is the individual holding a senior management position with the highest authority to act on behalf of the Legal Entity.

Hướng dẫn/ Instruction:

- Trường hợp CHỈ chọn câu hỏi số 1, xin vui lòng BỎ QUA khai báo tại Mục I.2 bên dưới./ In case ONLY the question no.1 above was ticked on, please kindly IGNORE declare in Section I.2 as below.

- Trường hợp chọn câu hỏi số 2 và/hoặc số 3 và/hoặc số 4, xin vui lòng KHAI BÁO thêm tại Mục I.2 bên dưới./ Incase the question no.2 and/or no.3 and/or no.4 above was ticked on, please kindly DECLARE in Section I.2 as below.

(*) Cá nhân sở hữu gián tiếp là cá nhân sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của khách hàng thông qua tổ chức hoặc thỏa thuận pháp lý khác/An individual who has indirect ownership means an individual who holds 25% or more of the charter capital or 25% or more of the total voting shares of the enterprise through another organization or legal arrangement

(**) Người có quan hệ nhân thân bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng./Individuals connected through personal relationship include: wife, husband, biological father, biological mothers, adoptive father, adoptive mother, father-in-law, mother-in-law , biological child, adopted child, son-in-law, daughter-in-law , biological brother, biological sister , brother-in-law, sister-in-law, wife's biological brother, husband's biological brother, wife's biological sister, husband's biological sister.



B-0101-003

0002 01/01

I.2. Chi tiết Chủ sở hữu hưởng lợi/Details of Beneficial Owner

Chủ sở hữu hưởng lợi 1:

☐ Chủ sở hữu hưởng lợi
Beneficial owner

☐ CEO/Tổng giám đốc/Giám đốc
CEO/General Director/Director

☐ Người đại diện theo Pháp luật
Legal Representative

☐ Người thành lập của Tổ chức
Founder of Legal Entity(*)

(*) Là cá nhân thành lập nên Tổ chức/ The individual who founded the Legal Entity

Họ tên Ngày sinh Tình trạng cư trú ☐ Cư trú ☐ Không cư trú
Full name Date of birth Resident status Resident Non-resident

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu/Giấy tờ khác/ Personal identification no./Passport/Others*

(*) Đối với công dân Việt Nam: Chỉ chấp nhận số định danh cá nhân/ Vietnamese citizen: Accept for Personal Identification No. only.

Đối với cá nhân là người nước ngoài: (i) Người cư trú: Sử dụng Hộ chiếu; (ii) Người không cư trú: Sử dụng Hộ chiếu hoặc Giấy tờ khác có chứa thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ For foreign individuals: (i) Resident individuals: Only Passports; (ii) Non-resident individuals: Passports or other identification documents issued by competent foreign authorities

Ngày cấp Ngày hết hạn Nơi cấp
Issued date Expired date Issued place

Số thị thực/Thẻ cư trú (nếu có) Cơ quan cấp thị thực
Visa/Resident card no. (if any) Agency issuing visa for immigration

Ngày hết hạn Thị thực/Thẻ cư trú Số điện thoại Địa chỉ email
Expired Date of Visa/Resident Card Phone no. Email address

Quốc tịch Thông tin và địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch thứ 02 trở đi
Nationality Additional nationalities information and residence address

Nghề nghiệp Chức vụ Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%)
Occupation Position Effective ownership percentage

Địa chỉ cư trú
Resident address

Địa chỉ thường trú (nếu là người Việt Nam) hoặc địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu là người nước ngoài)
Permanent address (if Vietnamese) or overseas registered residential address (if foreigner)



B-0101-003

0002 01/01

Chủ sở hữu hưởng lợi 2:☐ Chủ sở hữu hưởng lợi
Beneficial owner☐ CEO/Tổng giám đốc/Giám đốc
CEO/General Director/Director☐ Người đại diện theo Pháp luật
Legal Representative☐ Người thành lập của Tổ chức
Founder of Legal Entity(*)

(*) Là cá nhân thành lập nên Tổ chức/ The individual who founded the Legal Entity

Họ tên Ngày sinh Tình trạng cư trú ☐ Cư trú ☐ Không cư trú
Full name Date of birth Resident status ☐ Resident ☐ Non-resident

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu/Giấy tờ khác/ Personal identification no./Passport/Others*

(*) Đối với công dân Việt Nam: Chỉ chấp nhận số định danh cá nhân/ Vietnamese citizen: Accept for Personal Identification No. only.

Đối với cá nhân là người nước ngoài: (i) Người cư trú: Sử dụng Hộ chiếu; (ii) Người không cư trú: Sử dụng Hộ chiếu hoặc Giấy tờ khác có chứa thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ For foreign individuals: (i) Resident individuals: Only Passports; (ii) Non-resident individuals: Passports or other identification documents issued by competent foreign authorities

Ngày cấp Ngày hết hạn Nơi cấp
Issued date Expired date Issued place

Số thị thực/Thẻ cư trú (nếu có) Cơ quan cấp thị thực
Visa/Resident card no. (if any) Agency issuing visa for immigration

Ngày hết hạn Thị thực/Thẻ cư trú Số điện thoại Địa chỉ email
Expired Date of Visa/Resident Card Phone no. Email address

Quốc tịch Thông tin và địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch thứ 02 trở đi
Nationality Additional nationalities information and residence address

Nghề nghiệp Chức vụ Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%)
Occupation Position Effective ownership percentage

Địa chỉ cư trú
Resident address

Địa chỉ thường trú (nếu là người Việt Nam) hoặc địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu là người nước ngoài)
Permanent address (if Vietnamese) or overseas registered residential address (if foreigner)

Khai báo bổ sung:

Trường hợp câu số 2.2 bên trên được chọn, vui lòng cung cấp thông tin chi tiết về mối quan hệ nhân thân/hợp đồng và các cá nhân liên quan trong mối quan hệ/ If the question 2.2 above is selected, please provide details about the personal/contractual relationship and the individuals involved in that relationship

PHỤ LỤC 06B: KHAI BÁO CÁC BÊN LIÊN QUAN CỦA TỔ CHỨC
APPENDIX 06B: OTHER RELATED PARTIES DECLARATION



B-0101-003
0002 01/01

I.1. Áp dụng khi bên liên quan là cá nhân/Apply when Related parties are Individuals
(Trường hợp bên liên quan đã được khai báo tại Phụ lục 1 đến Phụ lục 06A, xin vui lòng bỏ qua phần khai báo bên dưới)
(In case the related party has already been declared from Appendices 01 to 06A, please kindly ignore the declaration section below.)

☐ CEO/Tổng giám đốc/Giám đốc
CEO/General Director/Director

☐ Người thành lập của Tổ chức
Founder of Legal Entity(*)

☐ Người đại diện theo Pháp luật
Legal Representative

(*) Là cá nhân thành lập nên Tổ chức/ The individual who founded the Legal Entity

Họ tên
Full name

Ngày sinh
Date of birth

Tình trạng cư trú
Resident status

☐ Cư trú
Resident

☐ Không cư trú
Non-resident

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu/Giấy tờ khác/ Personal identification no./Passport/Others*

(*) Đối với công dân Việt Nam: Chỉ chấp nhận số định danh cá nhân/ Vietnamese citizen: Accept for Personal Identification No. only.
Đối với cá nhân là người nước ngoài: (i) Người cư trú: Sử dụng Hộ chiếu; (ii) Người không cư trú: Sử dụng Hộ chiếu hoặc Giấy tờ khác có chứa thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ For foreign individuals: (i) Resident individuals: Only Passports; (ii) Non-resident individuals: Passports or other identification documents issued by competent foreign authorities

Ngày cấp
Issued date

Ngày hết hạn
Expired date

Nơi cấp
Issued place

Số thị thực/Thẻ cư trú (nếu có)
Visa/Resident card no. (if any)

Cơ quan cấp thị thực
Agency issuing visa for immigration

Ngày hết hạn Thị thực/Thẻ cư trú
Expired Date of Visa/Resident Card

Số điện thoại
Phone no.

Địa chỉ email
Email address

Quốc tịch
Nationality

Thông tin và địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch thứ 02 trở đi
Additional nationalities information and residence address

Nghề nghiệp
Occupation

Chức vụ
Position

Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%)
Effective ownership percentage

Địa chỉ cư trú
Resident address

Địa chỉ thường trú (nếu là người Việt Nam) hoặc địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu là người nước ngoài)
Permanent address (if Vietnamese) or overseas registered residential address (if foreigner)

I.2. Áp dụng khi bên liên quan là tổ chức/Apply when Related parties is Entity

☐ Tổ chức thành lập
Founder of Legal Entity

☐ Khác (Ghi rõ)
Other (please specify)

Tên đầy đủ
Full name in local language

Tên tiếng Anh
Full name in English

Tên viết tắt
Short name

Số đăng ký kinh doanh/Số giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập
Business registration no./Document no. proving that the organization was established

Ngày thành lập
Date of established

Ngày hết hạn
Expired date

Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%)
Effective ownership percentage

Quốc gia thành lập
Country of incorporation

Số điện thoại
Phone no.

Địa chỉ email
Email address

Nghành nghề kinh doanh
Type of industry

Trang web
Website

Địa chỉ trụ sở chính
Head office address

Địa chỉ nơi thành lập
Register address

PHỤ LỤC 07: THÔNG TIN TĂNG CƯỜNG NHẬN BIẾT VÀ XÁC MINH KHÁCH HÀNG

APPENDIX 07: ENHANCE DUE DILIGENCE INFORMATION



B-0101-003
0002 01/01

Tổng doanh thu trong hai năm gần nhất
The total turnover/sales/revenue in the last 2 (two) years

Loại tiền
Currency

(*) Nếu công ty của bạn là doanh nghiệp mới thành lập, vui lòng cho biết số liệu này dựa trên kế hoạch kinh doanh của bạn. If your company is a newly established business, please advise based on your business plan.

Nguồn tiền/ Nguồn tài sản của Tổ chức
Source of fund/ Source of wealth of legal entity customer

☐ Thu nhập doanh nghiệp (lãi lũy kế/lợi nhuận được giữ lại)
Business Income (accumulated profit/retained earnings)

☐ Đầu tư bởi Chủ sở hữu hưởng lợi/Đối tác
Investment by Ultimate Beneficial Owner/Partner

☐ Khác (Ghi rõ)
Other (please specify)

Tài liệu bổ sung
Supporting document

☐ Báo cáo tài chính
Financial Statement

☐ Chứng nhận đăng ký đầu tư
Investment registration certificate

☐ Khác (Ghi rõ)
Other (please specify)

Nguồn tài sản của chủ sở hữu hưởng lợi (cá nhân góp vốn) là người có ảnh hưởng chính trị
Source of wealth of beneficial owner(s) who is a PEP

☐ Thu nhập doanh nghiệp (lãi lũy kế/lợi nhuận được giữ lại)
Business Income (accumulated profit/retained earnings)

☐ Đầu tư bởi Chủ sở hữu hưởng lợi/Đối tác
Investment by Ultimate Beneficial Owner/Partner

☐ Khác (Ghi rõ)
Other (please specify)

Tài liệu bổ sung
Supporting document

☐ Sao kê tài khoản
Bank Statement

☐ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
Investment Registration Certificate

☐ Hợp đồng lao động/quyết định bổ nhiệm/ giấy chứng nhận việc làm
Labor contract/Decision/Employment certificate

☐ Khác (Ghi rõ)
Other (please specify)

Tất cả các Quốc gia nơi doanh nghiệp hoạt động, kinh doanh/ All Countries of business operation

Deposit 2024
Ngày hiệu lực/Effective from 19/10/2026

+ More Friendly, More Secure, More Creative

Shinhan Bank